TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:425/2023/DS-ST
Ngày: 28/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 446/2022/TLST-DS ngày 31/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2023/QĐXXST-DS ngày 21/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2023/QĐST-DS ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: 266-268 đường NKKN, Phường X, Quận Y, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M (Giấy ủy quyền số 1238/2023//UQ-TGĐ ngày 28/02/2023, vắng mặt)

Địa chỉ: 11/5/15 Khu phố 2A, phường DTH, Quận Z, Tp.Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông Nguyễn An P (vắng mặt)

Địa chỉ: 18/10N, ấp TĐ, xã TTT, huyện HM, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 19/8/2016, ông Nguyễn An P có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông

P, Ngân hàng đã đồng ý cấp 2 thẻ tín dụng (gồm thẻ JCB Motor Card Classic 356480-4329, thẻ Master Credit Gold 512341-0710) với hạn mức sử dụng chung là 30.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân và lãi suất áp dụng tại thời điểm cấp thẻ của thẻ JCB Motor Card Classic 356480-4329 là 2.5%/tháng, lãi suất áp dụng của thẻ Master Credit Gold 512341-0710 là 2.15%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất được điều chỉnh theo thông báo, quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn An P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 64.292.253đồng (thẻ 356480-4329 là 32.150.000đồng, thẻ 512341-0710 là 32.142.253đồng). Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Nguyễn An P phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn An P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 70.431.000đồng, cụ thể thẻ 356480-4329 là 34.721.000đồng, thẻ 512341-0710 là 35.710.000đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tin dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí vài hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Từ tháng 01/2020, ông P không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/04/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, (theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 31.940.985đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Tính đến ngày 28/7/2023, ông P còn nợ tổng số tiền 82.349.907đồng, trong đó nợ gốc là 31.940.985đồng (thẻ 356480-4329 là 16.837.041đồng, thẻ 512341-0710 là 15.103.944đồng), tiền lãi quá hạn (áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.9%/tháng (2.6%/tháng x 150%)) là 50.408.922đồng (thẻ 356480-4329 là 26.572.032đồng, thẻ 512341-0710 là 23.836.890đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn An P phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2023 là 82.349.907đồng, trong đó: Nợ gốc là 31.940.985đồng, tiền lãi quá hạn là 50.408.922đồng và ông Nguyễn An P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/7/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn An P vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có địa chỉ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn ông Nguyễn An P đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Trong quá trình tố tụng, do bị đơn không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3.2] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2016, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) do các bên xác lập trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[3.3] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2016, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, các Bảng sao kê tóm tắt thẻ tín dụng của ông Nguyễn An P và các tài liệu khác do Ngân hàng cung cấp và lời khai của Ngân hàng thì có cơ sở xác định: Ngân hàng đã cấp 02 thẻ tín dụng cho ông P (gồm thẻ JCB Motor Card Classic 356480-4329, thẻ Master Credit Gold 512341-0710) với hạn mức sử dụng chung là 30.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân và lãi suất áp dụng của cả 2 thẻ là 2.6%/tháng (tính từ ngày 15/8/2019) và lãi suất này có thể điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, các giao dịch và phí phát sinh phải được ông P thanh toán cho Ngân hàng vào hoặc trước ngày đến hạn ghi trên thông báo (hàng tháng), việc không thanh toán số tiền tối thiểu khi đến hạn sẽ làm cho tổng dư nợ trở nên đến hạn ngay lập tức. Sau khi được cấp thẻ, ông P đã thực hiện các giao dịch từ thẻ (rút tiền, thanh toán mua hàng hóa…) với tổng số tiền là 64.292.253đồng (thẻ 356480-4329 là 32.150.000đồng, thẻ 512341-0710 là 32.142.253đồng). Ông P thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng

công là 70.431.000đồng (thẻ 356480-4329 là 34.721.000đồng, thẻ 512341-0710 là 35.710.000đồng), gồm nợ gốc là 32.351.268đồng, phí, lãi là 38.079.732đồng. Từ ngày 31/01/2020, ông P không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nữa. Từ ngày 01/4/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 31.940.985đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại ((2.6%/tháng x 150% = 3,9%/tháng). Tính đến ngày 28/7/2023, ông P còn nợ tổng số tiền 82.349.907đồng, trong đó nợ gốc là 31.940.985đồng (thẻ 356480-4329 là 16.837.041đồng, thẻ 512341-0710 là 15.103.944đồng), tiền lãi quá hạn (áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.9%/tháng (2.6%/tháng x 150%)) là 50.408.922đồng (thẻ 356480-4329 là 26.572.032đồng, thẻ 512341-0710 là 23.836.890đồng).

[3.4] Từ đó, căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc ông P trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 31.940.985đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/7/2023 là 50.408.922đồng, tổng cộng 82.349.907đồng. Ngoài ra, ông P còn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 29/7/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2016, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 4.117.495đồng, ông Nguyễn An P phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 40, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn An P phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 28/7/2023 là 82.349.907đồng(tám mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm lẻ bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 31.940.985đồng (ba mươi mốt triệu, chín

trăm bốn mươi nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng); Tiền lãi là 50.408.922đồng (năm mươi triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng).

Ngoài ra, ông P còn phải trả cho Ngân hàng TMCP S tiền lãi phát sinh từ ngày 28/7/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2016 ký giữa ông Nguyễn An P và Ngân hàng TMCP S, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

2/Án phí:

Ông Nguyễn An P phải chịu án phí sơ thẩm là 4.117.495đồng (bốn triệu, một trăm mười bảy nghìn, bốn trăm chín mươi lăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 945.931đồng (chín trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm ba mươi mốt đồng), theo biên lai thu số AA/2019/0076658 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3/ Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND H.HM;
- THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Phương Nam